

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2026
“V/v Ly hôn giữa bà T và ông P”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 227/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Bích T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Trần Thị Bích T trình bày như sau:

Bà T và ông P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Đ, tỉnh An Giang) vào ngày 09/6/2003.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng. Bà T đã nhiều lần khuyên ngăn chồng từ bỏ việc ngoại tình nhưng ông P không thay đổi mà còn bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ này cho đến nay. Hiện tại vợ chồng đã ly thân khoảng 14 năm, không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau, bà T không còn tình cảm với chồng và hôn nhân không thể tiếp diễn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/12/2001 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 28/7/2004. Các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Nguyễn Tấn P vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy căn cước (bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định. Ông Nguyễn Tấn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà T được ly hôn với ông P; về con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Đông Hưng, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

Quan hệ pháp luật: Bà T yêu cầu ly hôn với ông P nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Bị đơn - ông P vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung vụ án

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Tấn Pchung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Đ, tỉnh An Giang) theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, có cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của bà Ty và ông P đã phát sinh mâu thuẫn do ông P có quan hệ ngoại tình. Bà T đã nhiều lần khuyên ngăn để níu kéo cuộc sống hôn nhân nhưng ông P không những không thay đổi mà chọn cách bỏ nhà đi sống cùng người tình cho đến nay và vợ chồng đã tự sống ly thân khoảng 14 năm. Đến nay mỗi người đều tạo dựng cho mình cuộc sống riêng không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà T và ông P không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất xử cho bà T ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T và ông P có hai người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/12/2001 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 28/7/2004 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung, không ai khác có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bích T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Tấn P.

2. Về con chung: Con chung của bà Trần Thị Bích Ty và ông Nguyễn Tấn P là Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/15/2001 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 28/7/2004 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích T xác định không có, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích T xác định không có, không ai khác có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Bích T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 306659 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trần Thị Bích T đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự" ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- UBND xã Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thơm

